

Số: 69/2019/HSPT

Ngày: 25/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đăng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Võ Đình Phương

Ông Trần Anh Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Ngọc – Thư ký TAND tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Nhơn – Kiểm sát viên

Trong các ngày 21 và 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 61/2019/TLPT-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 do có kháng cáo của bị cáo Lê Tấn K đối với bản án Hình sự sơ thẩm số: 11/2019/HSST ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bị cáo có kháng cáo: Lê Tấn K (tên gọi khác: Đổ), sinh ngày 10/4/1999, tại V, Khánh Hòa; Cư trú tại: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Lê Văn D sinh năm: 1964 và bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1968; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/01/2014, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, bị cáo tại ngoại ngày 08/9/2016. Thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 26/4/2019. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Tấn K:

Luật sư **Trần Quốc T** – Văn phòng Luật sư Quốc T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị được triệu tập tham gia phiên tòa:

Họ và tên: **Lê Minh P**, sinh năm 1990 tại V, Khánh Hòa; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Nguyên là Công an viên; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Vũ Hữu T và bà Lê Thị Mẫu Đ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/01/2014.

Người bị hại: Em Tu Ngọc T, sinh ngày: 30/6/1999 (đã chết)

Trú tại: Thôn T, xã V1, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

- Ông **Tu Ngọc H**, sinh năm: 1973; Bà **Nguyễn Thị Độc L**, sinh năm: 1975

Cùng trú tại: thôn T, xã V1, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Lê Văn D**; sinh năm 1964; Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm: 1968; Cùng trú tại: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

Người giám định:

Ông **Phạm Xuân T**, Giám định viên – Giám đốc Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa.(có mặt)

Người làm chứng:

1. Em **Tu Ngọc T** – sinh ngày: 10/6/1998; trú tại: Thôn T, xã V1, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (có mặt)

2. Anh **Tu Ngọc T1** – sinh ngày: 02/01/1996; trú tại: Thôn T, xã V1, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)

3. Em **Đỗ Ngọc T2** – sinh ngày: 05/9/1999; trú tại: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)

4. Anh **Đỗ Hữu T3** – sinh năm 1997; trú tại: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)

5. Anh **Đỗ Ngọc K** – sinh năm: 1990; trú tại: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)

6. Anh **Lê Ngọc T4** – sinh năm: 1994; trú tại: Thôn L, xã V1, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)

7. Ông **Võ Văn H** – sinh năm: 1977; trú tại: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)

8. Ông **Mai Văn N** – sinh năm: 1962; trú tại: Thôn L1, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)

9. Anh **Huỳnh Trung T5** – sinh năm: 1983; trú tại: Thôn P1, xã P, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)

10. Ông **Nguyễn Hữu D** – sinh năm: 1976; trú tại: Thôn L1, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)
11. Bà **Võ Thị L** – sinh năm: 1952; trú tại: Thôn P1, xã P, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)
12. Bà **Nguyễn Thị S** – sinh năm: 1963; trú tại: Thôn L1, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)
13. Bà **Nguyễn Thị Đ** – sinh năm: 1959; trú tại: Thôn P1, xã P, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)
14. Anh **Lê Sĩ T6** – sinh ngày: 02/7/1999; trú tại: Thôn L1, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; có mặt
15. Anh **Diệp Thế H** – sinh ngày: 23/11/1998; trú tại: Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)
16. Anh **Nguyễn Đức L** – sinh ngày: 13/3/1999; trú tại: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)
17. Anh **Huỳnh Lam L1** – sinh ngày: 07/9/1999; trú tại: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)
18. Anh **Lê Minh T7** – sinh năm: 1998; trú tại: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)
19. Anh **Nguyễn Đức T8** – sinh ngày: 04/3/1999; trú tại: Thôn P1, xã P, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)
20. Ông **Nguyễn Văn N** – sinh năm: 1968; trú tại: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)
21. Anh **Lê Ngọc T9** – sinh năm: 1983; trú tại: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 28/12/2013, tại khu đất trống gần chợ P, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, trong lúc xem lô tô đã xảy ra xô xát đánh nhau giữa em Tu Ngọc T và Lê Tấn K, Công an xã P đã giải quyết hai bên giải tán ra về.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 29/12/2013, Lê Tấn K và các em Diệp Thế H, Huỳnh Lam L1, Nguyễn Đức T8, Lê Minh T7, Lê Sĩ T6, Nguyễn Đức L uống nước tại quán nước của bà Nguyễn Thị S ở thôn H, xã L, huyện V. Lúc này, K nhìn ra đường thấy em Tu Ngọc T chở em Tu Ngọc T1, em Đỗ Ngọc T2 chở anh Đỗ Hữu T3, tất cả đều đi xe đạp ngang qua quán nước mía của bà S hướng lên đường quốc lộ 1A, K

đứng dậy kêu “nó kia”, đồng thời cầm vỏ chai nước khoáng “Đảnh Thạch” bằng thủy tinh không có nước chạy đuổi theo em Tu Ngọc T. Em Tu Ngọc T thấy K cầm chai nước khoáng đuổi theo nên nhảy xuống xe chạy về hướng Quốc lộ 1, khi K còn cách em Tu Ngọc T khoảng 3- 4m thì K ném vỏ chai nước khoáng trúng vào đầu em Tu Ngọc T làm vỏ chai bị vỡ, em Tu Ngọc T té nhào xuống đường, sau đó đứng dậy chạy về hướng Quốc lộ 1. Lúc này trong quán nước của bà S có Lê Minh P, Lê Ngọc T9 là Công an viên xã L đang ngồi uống nước thấy vậy ra can ngăn nên K không đuổi theo em Tu Ngọc T nữa.

Em T1, em T, em T2, anh T3 đi xe đạp đến trụ sở thôn N, xã K thì dừng lại kiểm tra vết thương của em Tu Ngọc T thấy trên đầu có vết rách sưng nề, xung quanh có dính nhiều mảnh vỡ thủy tinh, bàn tay và cẳng tay phải bị trầy xước.

Anh Đỗ Ngọc K và anh Lê Ngọc T4 đi xe mô tô ngang qua thấy vậy dừng lại hỏi chuyện, em T nói em Tu Ngọc T bị K dùng vỏ chai ném trúng đầu và nhờ anh Đỗ Ngọc K chở em Tu Ngọc T về nhà ở thôn T - xã V1, anh Đỗ Ngọc K đồng ý, nên anh T4 về nhà lấy xe mô tô đến cùng đi, anh Đỗ Ngọc K chở anh Lê Ngọc T4 và em Tu Ngọc T, anh T3 chở em T2. Trên đường đi, tất cả đến quán của bà S để tìm K nhưng không gặp, tất cả đến Sân vận động xã P thì gặp K, hai bên giải hòa với nhau. Anh Đỗ Ngọc K chở em Tu Ngọc T và anh Lê Ngọc T4 về thôn T, xã V1, huyện V nhưng đi một đoạn thì xe hết xăng, anh Đỗ Ngọc K để em Tu Ngọc T và anh Lê Ngọc T4 đứng chờ còn anh Đỗ Ngọc K đi đổ xăng.

Cùng lúc này, Lê Ngọc T9 và Lê Minh P nghe tin nhóm của em Tu Ngọc T tìm đánh K nên P đã đến nhà K báo tin cho ông Lê Văn D biết (vì K là con của ông Lê Văn D là Công an viên xã L cùng với P và T9) P và T9 không báo cáo cho Trưởng Công an xã và cũng không được ai phân công cho P và T9 đi giải quyết. Cùng lúc, T9 phát hiện em Tu Ngọc T đang đứng ở đường Quốc lộ 1 gần đầu đường 2/9 thuộc địa phận xã P, nên T9 gọi điện thoại cho P đến, đồng thời T9 gọi điện cho anh Huỳnh Trung T5 – Phó Công an xã P đến hỗ trợ. Em Tu Ngọc T thấy P và T9 đến nên bỏ chạy xuống ruộng, P chạy theo ôm em Tu Ngọc T ngã xuống ruộng nước, em Tu Ngọc T vùng dậy chạy lên đường sắt, P đứng dưới ruộng cầm mũ bảo hiểm ném trúng vào lưng của em Tu Ngọc T làm mũ rơi xuống đường sắt, em Tu Ngọc T tiếp tục chạy vào nhà bà Thừa Thị N để trốn, P không nhặt mũ bảo hiểm mà tiếp tục đuổi theo nhưng không kịp, lúc này anh Huỳnh Trung T5 cũng vừa đến nơi, anh T5 và P vào vườn nhà bà Thừa Thị N để tìm nhưng không gặp. Anh T5 chờ P chạy ra đường Quốc lộ 1 tìm em Tu Ngọc T. Anh T5 phát hiện em Tu Ngọc T nấp trong bụi cây ở khoảng đất trống giữa đường Quốc lộ 1 và đường sắt Bắc – Nam. Anh T5 đến nắm tay em Tu Ngọc T dẫn ra khỏi bụi cây giao cho P rồi bỏ đi, lúc này em Tu Ngọc T chống cự lại nên P

dùng còng số 8 còng tay em Tu Ngọc T ra sau lưng, em Tu Ngọc T tiếp tục chống cự, P dùng tay đánh vào mặt (bên trái) của em Tu Ngọc T làm em Tu Ngọc T té ngã xuống đất, P dùng chân đạp lên người của em Tu Ngọc T rồi kéo em Tu Ngọc T đứng dậy dẫn ra đường Quốc lộ 1. Trên đường dẫn đi, P tiếp tục dùng tay đánh nhiều cái vào hai bên mang tai và mặt của em Tu Ngọc T, anh T5 đến can ngăn không cho P đánh nữa. Lúc này, Lê Ngọc T9 đi xe mô tô đến chở em Tu Ngọc T và P về trụ sở Ủy ban nhân dân xã L.

Tại phòng làm việc của Công an xã L, P tiếp tục dùng tay đánh vào ngực, sườn, cú vào đầu của em Tu Ngọc T, sau đó cho gia đình bảo lãnh về nhà. Đến sáng ngày 30/12/2013, em Tu Ngọc T ói mửa, gia đình đưa đi cấp cứu đến 08 giờ 10 phút ngày 31/12/2013 em Tu Ngọc T tử vong.

Bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 255-TT-TTPY ngày 06/01/2014, Công văn số: 339/TTPY ngày 15/10/2018, Công văn số: 359/TTPY ngày 25/10/2018 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa kết luận nguyên nhân dẫn đến tử vong của nạn nhân Tu Ngọc T là do: Ngoại lực tác động tương hỗ vào vùng đầu gây chấn thương sọ não: lún vỡ xương hộp sọ thái dương phải, tụ máu dưới màng cứng, chảy máu màng nhện hoàn toàn phù hợp tác nhân là vật tày.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2019/HSST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa đã tuyên xử:

Căn cứ điểm a Khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46, điểm h Khoản 1 Điều 48, Điều 69, Khoản 2 Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lê Tấn K. Xử phạt bị cáo Lê Tấn K (tên gọi khác: ĐỎ) 02 (hai) năm 08 (tám) tháng 07 (bảy) ngày tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 08 tháng 9 năm 2016 là 02 (hai) năm 08 (tám) tháng 07 (bảy) ngày; bị cáo Lê Tấn K đã chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại.

Ngày 27/3/2019, bị cáo Lê Tấn K có đơn kháng cáo toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm vì cho rằng hành vi của bị cáo không phải là nguyên nhân gây ra cái chết cho Tu Ngọc T.

Trong vụ án còn có bị cáo Lê Minh P, bị cáo P không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng

hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Tấn K, giữ nguyên Bản án hình sơ thẩm số: 11/2019/HSST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo K có dùng vỏ chai nước khoáng bằng thủy tinh ném trúng vào đầu của em Tu Ngọc T, vị trí tiếp xúc là ở phía sau đầu của người bị hại. Tuy nhiên, không xác định được thương tích của em Tu Ngọc T bao nhiêu % và có đến mức phải xử lý hình sự hay không. Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 255-TT-TTPY ngày 06/01/2014 của Trung tâm pháp y tỉnh Khánh Hòa thì có 03 vết thương: Vùng đỉnh đầu, vùng trán, vùng thái dương nên không thể gây ra vết thương tụ máu trên đỉnh đầu, không phải là nguyên nhân làm em Tu Ngọc T chấn thương sọ não dẫn đến chết nên bị cáo K không phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm và yêu cầu Trung tâm giám định pháp y Trung ương tiến hành giám định lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo:

Đơn kháng cáo được bị cáo Lê Tấn K nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện V vào ngày 27/3/2019. Theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đơn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo nói trên theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Thời điểm bị cáo Lê Tấn K thực hiện hành vi phạm tội là ngày 29/12/2013 (thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 có hiệu lực pháp luật), căn cứ nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Lê Tấn K là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Tấn K không thừa nhận hành vi của mình là nguyên nhân gây ra cái chết cho Tu Ngọc T nên không đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa và đề nghị được im lặng không trả lời các câu hỏi của Hội đồng xét xử nên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: lời khai của bị cáo, người làm chứng tại cơ quan điều tra, tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm trước đây để xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[3] Về nội dung kháng cáo của bị cáo Lê Tấn K cho rằng hành vi của bị cáo không phải là nguyên nhân gây ra cái chết cho Tu Ngọc T, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai và bản tường trình của bị cáo tại các bút lục từ số 72 đến 81 đều thể hiện vào “khoảng 15 giờ 30 phút ngày 29/12/2013 đang uống nước tại quán nước của bà Nguyễn Thị S ở thôn H, xã L, huyện V. Lúc này, K nhìn ra đường thấy em Tu Ngọc T chở em Tu Ngọc T, em Đỗ Ngọc T2 chở anh Đỗ Hữu T3, tất cả đều đi xe đạp ngang qua quán nước mía của bà S hướng lên đường quốc lộ 1A, K đứng dậy kêu “nó kia”, đồng thời cầm vỏ chai nước khoáng “Đánh Thạnh” bằng thủy tinh không có nước chạy đuổi theo em Tu Ngọc T...khi còn cách em Tu Ngọc T khoảng 3-4m thì K ném vỏ chai nước khoáng trúng vào đầu em Tu Ngọc T làm vỏ chai bị vỡ, em Tu Ngọc T té nhào xuống đường, sau đó đứng dậy chạy về hướng Quốc lộ 1”...

Tại phiên tòa phúc thẩm, người làm chứng T còn khai khi Tu Ngọc T bị thương tích do K gây nên thì trên đường về không bị vật nào tác động vào cơ thể của Tu Ngọc T.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo K có dùng vỏ chai nước khoáng bằng thủy tinh ném trúng vào đầu của em Tu Ngọc T, vị trí tiếp xúc là ở phía sau đầu của người bị hại, không xác định được thương tích của em Tu Ngọc T bao nhiêu % và có đến mức phải xử lý hình sự hay không.

Trong quá trình điều tra, lời khai của bị cáo K phù hợp với lời khai của những người làm chứng như T, T2, T3, S tại các bút lục từ số (76-78-181-698-720) khi về trụ sở thôn N, xã K thì dừng lại kiểm tra vết thương của Tu Ngọc T thấy “trên đầu có vết rách sung nề, xung quanh có dính nhiều mảnh vỡ thủy tinh”..., và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án khẳng định bị cáo Lê Tấn K đã có hành vi dùng vỏ chai nước khoáng “đánh thanh” bằng thủy tinh đuổi theo ném trúng vào đầu em Tu Ngọc T làm vỏ chai nước khoáng vỡ, gây thương tích cho em Tu Ngọc T.

Tại phiên tòa, giám định viên đã giải thích một số thuật ngữ y khoa để làm rõ các vấn đề liên quan đến bản kết luận giám định. Xét thấy, việc lập hồ sơ là do các cơ quan chuyên môn lập và giám định viên là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận của mình. Các tổn thương là nguyên nhân gay chấn thương sọ não dẫn đến cái chết của em Tu Ngọc T được liệt kê trong biên bản khám nghiệm tử thi ngày 31/12/2013 và Bản kết luận giám định y pháp tử thi số: 255/TT-TTPY ngày 06/01/2014 đã kết luận em Tu Ngọc T tử vong do chấn thương sọ não hoàn toàn phù hợp tác nhân là vật tày tác động tương hồ vào vùng đầu. Hội đồng xét xử nhận thấy giám định viên đã căn cứ vào trình tự thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy có căn cứ để khẳng định vết thương vùng

chằm (sau ót) là do bị cáo K dùng vỡ chai nước khoáng ném trúng vào vùng đầu của em Tu Ngọc T gây nên.

Do vậy, việc luật sư cho rằng cơ quan điều tra không chứng minh được vết thương nào là nguyên nhân gây ra cái chết cho em Tu Ngọc T là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định vết thương của bị hại là do bị cáo K cầm vỡ chai thủy tinh ném trúng vào đầu gây thương tích cho em Tu Ngọc T và hậu quả làm cho em Tu Ngọc T chết là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo K phạm tội đối với em Tu Ngọc T khi em Tu Ngọc T đang là trẻ em thuộc trường hợp phạm tội đối với trẻ em là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự.

Bị cáo K khi phạm tội là trẻ em (14 tuổi 08 tháng 19 ngày) nên khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội còn hạn chế; sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngoài ra ông H, bà L là đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46 và các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội tại Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì một xích mích nhỏ trong cuộc sống mà đã có hành động thiếu suy nghĩ, dùng chai nước khoáng “Đánh Thạch” bằng thủy tinh gây thương tích cho em Tu Ngọc T. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến tính mạng của người bị hại một cách trái pháp luật, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, nên hành vi này cần phải xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Vì vậy, khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt cho bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết gì mới, do vậy cần bác kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Tấn K không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo Lê Tấn K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Tấn K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a, khoản 4, Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p, khoản 1 và khoản 2, Điều 46; điểm h, khoản 1, Điều 48; Điều 69; khoản 2, Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lê Tấn K.

Xử phạt bị cáo Lê Tấn K (tên gọi khác: Đò) 02 (hai) năm 08 (tám) tháng 07 (bảy) ngày tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Nhưng được trừ vào thời gian bị cáo đã bị bắt tạm giam từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 08 tháng 9 năm 2016 là 02 (hai) năm 08 (tám) tháng 07 (bảy) ngày; bị cáo Lê Tấn K đã chấp hành xong hình phạt tù.

2/ Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Bị cáo Lê Tấn K phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND, VKSND huyện V;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục THADS huyện V;
- Công an huyện V;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ, vp;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hữu Đăng Thanh